

## MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	
<b>BÁO CÁO</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU</b>
<b>BÁO CÁO</b>	<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>
<b>THỜI</b>	<b>cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 44

Tên: Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu  
Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3.2617844  
Fax: (08) 5.9612737

- Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:
- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
  - Dịch vụ cho thuê các thiết bị, máy móc, kho lạnh thuộc quyền sử dụng của Công ty;
  - In, trang web trên nền sắt là;
  - Hàn buôn các loại với kỹ thuật sử dụng công nghệ in trên sắt là;
  - Hàn buôn các loại với kỹ thuật sử dụng công nghệ in trên sắt là;
  - Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực in, trang web trên nền sắt là.

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bị hưởng là bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	22 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Hữu Minh	Thành viên	22 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu	Thành viên	22 tháng 6 năm 2012
Ông Trần Quang Sơn	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### 1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần như sau:

Đăng ký thay đổi	Ngày	Nội dung thay đổi
Lần thứ nhất	16 tháng 6 năm 2000	Bổ sung ngành nghề kinh doanh
Lần thứ hai	19 tháng 01 năm 2004	Đăng ký người đại diện theo pháp luật của Công ty
Lần thứ ba	06 tháng 11 năm 2006	Tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 VND
Lần thứ tư	13 tháng 4 năm 2007	Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 VND
Lần thứ năm	22 tháng 8 năm 2009	Tăng vốn điều lệ lên 81.976.420.000 VND
Lần thứ sáu	10 tháng 6 năm 2011	Tăng vốn điều lệ lên 98.495.200.000 VND
Lần thứ bảy	13 tháng 12 năm 2011	Tăng vốn điều lệ lên 103.395.200.000 VND
Lần thứ tám	10 tháng 6 năm 2015	Tăng vốn điều lệ lên 105.463.100.000 VND

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3.9612844
- Fax : (08) 3.9612737

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ) và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

### 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	22 tháng 4 năm 2012
Ông Trịnh Hữu Minh	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Quý	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Giang Sơn	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2012
Võ Ngọc Huỳnh Thư	Kế toán trưởng	22 tháng 4 năm 2012

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2012

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

7. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**TRỊNH HỮU MINH**  
Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**TRẦN ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2113-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**TRẦN THỊ HOÀNG YẾN**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2131-2013-009-1

Số: 90/2015/BCSX-HCM.00149

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kế toán kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**TRANG ĐẮC NHA**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**TRẦN THỊ HOÀNG YẾN**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>177.789.451.772</b>	<b>255.593.913.026</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.348.457.368</b>	<b>6.270.728.702</b>
Tiền	111	5.1	10.348.457.368	6.270.728.702
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.248.786.463</b>	<b>110.690.095.961</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	48.148.001.111	61.681.716.222
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	861.011.471	47.035.668.374
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	231.245.402	2.783.425.311
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(991.471.521)	(810.713.946)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>117.056.421.624</b>	<b>131.743.828.569</b>
Hàng tồn kho	141		117.056.421.624	131.743.828.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.135.786.317</b>	<b>6.889.259.794</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	848.840.545	354.399.375
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13	318.594.809	4.765.274.010
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	968.350.963	1.769.586.409
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>155.554.254.338</b>	<b>116.327.061.923</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.352.943.000</b>	<b>1.352.943.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	1.352.943.000	1.352.943.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>145.658.932.183</b>	<b>105.559.122.238</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	95.478.700.566	103.444.703.387
Nguyên giá	222		283.499.015.208	282.233.179.308
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.020.314.642)	(178.788.475.921)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	50.180.231.617	2.114.418.851
Nguyên giá	225		51.945.220.902	2.916.439.794
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.764.989.285)	(802.020.943)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>508.342.558</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	508.342.558
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>1.313.320.200</b>	<b>1.193.321.400</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(658.679.800)	(778.678.600)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.229.058.955</b>	<b>7.713.332.727</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	7.229.058.955	7.713.332.727
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>333.343.706.110</b>	<b>371.920.974.949</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>169.461.314.504</b>	<b>214.061.617.791</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>120.936.185.811</b>	<b>154.837.410.381</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	32.047.586.738	31.204.563.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	99.457.927	614.825.823
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.192.786.989	232.683.546
Phải trả người lao động	314	5.14	2.510.958.018	4.331.552.178
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.071.018.390	1.479.004.336
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	13.383.684.016	17.789.415.178
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	69.563.950.905	98.806.916.154
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	1.066.742.828	378.449.264
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.525.128.693</b>	<b>59.224.207.410</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	48.337.706.261	58.998.089.084
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	187.422.432	226.118.326
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.882.391.606</b>	<b>157.859.357.158</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>163.882.391.606</b>	<b>157.859.357.158</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		105.463.100.000	105.463.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.463.100.000	105.463.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.014.701.449	24.014.701.449
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		26.458.369.840	24.418.946.498
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.263.344.317	4.279.733.211
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		400	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.263.343.917	4.279.733.211
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>333.343.706.110</b>	<b>371.920.974.949</b>

**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
Người lập biểu

**VÕ NGỌC HUỖNH THU**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH HỮU MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>175.308.915.201</b>	<b>168.870.347.154</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	27.413.900	18.664.750
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>175.281.501.301</b>	<b>168.851.682.404</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.3	<b>150.702.263.105</b>	<b>143.777.750.185</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>24.579.238.196</b>	<b>25.073.932.219</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	59.838.735	70.985.645
Chi phí tài chính	22	6.5	5.638.134.931	4.144.329.524
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.384.276.120</i>	<i>3.841.145.820</i>
Chi phí bán hàng	24	6.6	5.964.869.204	5.346.049.904
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	6.669.963.227	5.557.316.926
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.366.109.569</b>	<b>10.097.221.510</b>
Thu nhập khác	31	6.8	4.177.760.149	295.473.271
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>4.177.760.149</b>	<b>295.473.271</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.543.869.718</b>	<b>10.392.694.781</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	2.319.221.695	2.286.392.851
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(38.695.894)	(45.005.572)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>8.263.343.917</b>	<b>8.151.307.502</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10.1	572	506
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
Người lập biểu

**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH HỮU MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
Kế toán trưởng

TRỊNH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

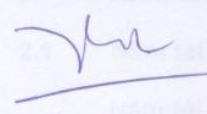
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh


## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10.543.869.718</b>	<b>10.392.694.781</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.194.807.063	9.474.465.498
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	60.758.775	(109.087.449)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	103.044.799	178.787.642
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(57.702.133)	(69.068.898)
Chi phí lãi vay	06	5.384.276.120	3.841.145.820
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>26.229.054.342</b>	<b>23.708.937.394</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.158.020.257	806.982.426
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	14.687.406.945	5.872.909.807
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(3.415.357.663)	(5.563.851.187)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(10.167.398)	134.477.114
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.467.358.253)	(3.792.405.828)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(4.034.171.864)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	688.293.564	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.552.015.905)	(3.234.651.982)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>50.317.875.889</b>	<b>13.898.225.880</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.815.257.152)	(1.029.726.158)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.486.334.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.702.133	69.068.898
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.757.555.019)</b>	<b>(6.446.991.260)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	103.386.544.586	103.327.162.578
Tiền trả nợ gốc vay	34	(139.721.742.021)	(107.208.386.859)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.829.767.803)	(317.100.540)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.319.375.200)	(8.782.239.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(43.484.340.438)</b>	<b>(12.980.564.321)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>4.075.980.432</b>	<b>(5.529.329.701)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>6.270.728.702</b>	<b>11.866.984.022</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	748.234	593.802
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>10.348.457.368</b>	<b>6.338.248.123</b>

  
NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

  
VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
Kế toán trưởng

  
TRINH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

## **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ) và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Một vài số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các qui định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính của Công ty chủ yếu là tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

### **1.6 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 336 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 366 người).

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 30/06/2015: 21.780 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 30/06/2015: 21.840 VND/USD.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

##### *Chi phí trả trước ngắn hạn*

Chi phí bảo hiểm cháy nổ, chi phí tư vấn pháp luật, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### *Chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí lắp đặt mở rộng, sửa chữa phân xưởng và chi phí bảo hiểm tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 24 tháng đến 60 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 28
Máy móc, thiết bị	03 – 22
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	20

#### 4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	10

#### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### 4.11 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.17 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH một thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Nhà đầu tư Thành viên chủ chốt

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt – VND	116.176.189	50.225.899
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	10.033.397.511	5.348.853.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	198.878.189	871.644.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – SGD	5.479	5.486
	<b>10.348.457.368</b>	<b>6.270.728.702</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)**

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	9.131,23	198.878.189
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – SGD	0,34	5.479
		<b>198.883.668</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	6.067.043.791	6.316.914.556
Các khách hàng khác	42.080.957.320	55.364.801.666
	<b>48.148.001.111</b>	<b>61.681.716.222</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là 505,40 USD tương đương 11.007.612 VND.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) cho khoản vay ngắn hạn là 2.000.000,00 USD tương đương 43.560.000.000 VND.

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Song Song	305.039.350	758.080.323
Công ty cổ phần Tư vấn – Thiết kế – Xây dựng Hoa Kiến Việt	150.000.000	150.000.000
Công Ty TNHH Xây dựng Thạnh Hưng	110.000.000	-
Công Ty TNHH Cân điện tử Tiến Đạt	90.750.000	-
Các nhà cung cấp khác	205.222.121	46.127.588.051
	<b>861.011.471</b>	<b>47.035.668.374</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	30/06/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	53.578.618	-	89.237.366	-
Tạm ứng cho nhân viên	101.708.784	-	106.258.485	-
Ký quỹ mở thư tín dụng mua tài sản cố định	39.000.000	-	132.814.000	-
Đặt cọc ngắn hạn khác	-	-	2.417.532.550	-
Phải thu ngắn hạn khác	36.958.000	-	36.958.000	-
	-	-	624.910	-
	<b>231.245.402</b>	<b>-</b>	<b>2.783.425.311</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.4.2 Phải thu dài hạn khác**

	Giá trị VND	30/06/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Ký quỹ thuê tài chính				
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	342.943.000	-	342.943.000	-
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương VN – CN TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000	-	10.000.000	-
	<b>1.352.943.000</b>	<b>-</b>	<b>1.352.943.000</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	30/06/2015 Dự phòng đã trích lập VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2015 Dự phòng đã trích lập VND
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>						
• Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Trên 3 năm	330.870.543	330.870.543	Trên 3 năm	330.870.543	330.870.543
• Công ty TNHH Tín Thịnh	Trên 1 năm	352.042.030	176.021.015	-	-	-
• Công ty CBTP XK Kiên Giang	Trên 3 năm	223.874.352	223.874.352	Trên 3 năm	223.874.352	223.874.352
• Xí nghiệp chế biến thực phẩm MEKO	Trên 3 năm	191.425.179	191.425.179	Trên 3 năm	191.425.179	191.425.179
• Phải thu các khách hàng khác		87.368.284	69.280.432		91.466.597	64.543.872
		<b>1.185.580.388</b>	<b>991.471.521</b>		<b>837.636.671</b>	<b>810.713.946</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	2014 VND
Tại ngày đầu kỳ/ năm	810.713.946	926.467.995
Trích lập dự phòng bổ sung	180.757.575	64.543.872
Hoàn nhập dự phòng	-	(180.297.921)
<b>Tại ngày cuối kỳ/ năm</b>	<b>991.471.521</b>	<b>810.713.946</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.6 Hàng tồn kho**

	Giá gốc VND	30/06/2015 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	7.477.226.484	-	8.003.048.592	-
Nguyên liệu, vật liệu	85.394.813.001	-	102.617.480.263	-
Công cụ, dụng cụ	263.995.016	-	276.628.522	-
Thành phẩm	13.174.245.193	-	10.554.797.618	-
Hàng hóa	10.746.141.930	-	10.291.873.574	-
	<b>117.056.421.624</b>	<b>-</b>	<b>131.743.828.569</b>	<b>-</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) cho khoản vay ngắn hạn là 2.000.000,00 USD tương đương 43.560.000.000 VND.

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	242.735.533	242.735.534
Chi phí tư vấn pháp luật	240.000.000	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	121.353.787	-
Chi phí đi dời trạm biển áp	149.657.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	95.094.225	111.663.841
	<b>848.840.545</b>	<b>354.399.375</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.190.545.752	4.354.749.772
Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng	3.730.117.188	3.012.208.494
Chi phí bảo hiểm	308.396.015	346.374.461
	<b>7.229.058.955</b>	<b>7.713.332.727</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2015	9.591.116.550	266.573.683.812	5.523.371.503	277.575.700	267.431.743	282.233.179.308
Mua trong kỳ	-	1.265.835.900	-	-	-	1.265.835.900
Tại ngày 30/06/2015	9.591.116.550	267.839.519.712	5.523.371.503	277.575.700	267.431.743	<b>283.499.015.208</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2015	8.828.521.574	165.981.254.485	3.523.185.419	188.082.700	267.431.743	178.788.475.921
Khấu hao trong kỳ	61.049.772	8.933.725.415	223.186.536	13.876.998	-	9.231.838.721
Tại ngày 30/06/2015	8.889.571.346	174.914.979.900	3.746.371.955	201.959.698	267.431.743	<b>188.020.314.642</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2015	762.594.976	100.592.429.327	2.000.186.084	89.493.000	-	103.444.703.387
Tại ngày 30/06/2015	701.545.204	92.924.539.812	1.776.999.548	75.616.002	-	<b>95.478.700.566</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	8.370.121.095	89.002.829.635	2.334.817.065	138.805.700	267.431.743	100.114.005.238
Tại ngày 30/06/2015	8.370.121.095	89.918.676.385	2.334.817.065	138.805.700	267.431.743	<b>101.029.851.988</b>

Giá trị còn lại của máy móc, thiết bị theo sổ sách đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BIDV và Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (HSBC) là 47.564.922.497 VND.

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.916.439.794	2.916.439.794
Thuê tài chính trong kỳ	48.350.651.000	48.350.651.000
Tăng khác	678.130.108	678.130.108
Tại ngày 30/06/2015	<b>51.945.220.902</b>	<b>51.945.220.902</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2015	802.020.943	802.020.943
Khấu hao trong kỳ	962.968.342	962.968.342
Tại ngày 30/06/2015	<b>1.764.989.285</b>	<b>1.764.989.285</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.114.418.851	2.114.418.851
Tại ngày 30/06/2015	<b>50.180.231.617</b>	<b>50.180.231.617</b>

Sau khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị được quy định cụ thể trên Hợp đồng thuê tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Giá gốc	Dự phòng	30/06/2015	Giá gốc	Dự phòng	01/01/2015
	VND	VND	Giá trị hợp lý VND	VND	VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần Càng Rau quả	1.972.000.000	(658.679.800)	1.313.320.200	1.972.000.000	(778.678.600)	1.193.321.400
	<b>1.972.000.000</b>	<b>(658.679.800)</b>	<b>1.313.320.200</b>	<b>1.972.000.000</b>	<b>(778.678.600)</b>	<b>1.193.321.400</b>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	2014
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	778.678.600	505.348.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	273.330.600
Hoàn nhập dự phòng	(119.998.800)	-
<b>Tại ngày cuối kỳ/năm</b>	<b>658.679.800</b>	<b>778.678.600</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
W.R.Grace (Singapore) Pte. Ltd	8.921.526.432	8.921.526.432	4.277.718.900	4.277.718.900
Sumitomo Corporation	6.548.717.666	6.548.717.666	8.347.719.398	8.347.719.398
Dongwon Systems Corp.	5.206.000.800	5.206.000.800	5.172.750.000	5.172.750.000
Các nhà cung cấp khác	11.371.341.840	11.371.341.840	13.406.375.604	13.406.375.604
	<b>32.047.586.738</b>	<b>32.047.586.738</b>	<b>31.204.563.902</b>	<b>31.204.563.902</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư khoản phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 1.267.115,52 USD tương đương 27.673.802.956 VND.

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Tuấn Bình	43.654.302	43.654.302
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hán Linh	41.946.770	-
Các khách hàng khác	13.856.855	571.171.521
	<b>99.457.927</b>	<b>614.825.823</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.765.274.010	-	5.672.572.932	(1.042.716.593)	318.594.809	183.177.138
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	7.591.141.734	(7.591.141.734)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	227.710.634	-	2.535.707.427	(2.304.071.161)	-	3.925.632
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.342.226.998	-	2.319.221.695	-	-	976.994.697
Thuế thu nhập cá nhân	-	232.683.546	226.308.287	(430.302.311)	-	28.689.522
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	199.648.777	-	440.963.439	(1.209.665.625)	968.350.963	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.534.860.419</b>	<b>232.683.546</b>	<b>18.788.915.514</b>	<b>(12.580.897.424)</b>	<b>1.286.945.772</b>	<b>1.192.786.989</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.543.869.718	10.392.694.781
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.952.921)	-
Thu nhập tính thuế	10.541.916.797	10.392.694.781
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.319.221.695</b>	<b>2.286.392.851</b>

*Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.14 Phải trả người lao động**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền lương phải trả	1.267.528.018	1.858.812.178
Tiền ăn ca phải trả	207.430.000	272.740.000
Trích trước quỹ lương	1.036.000.000	2.200.000.000
	<b>2.510.958.018</b>	<b>4.331.552.178</b>

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 12 tháng 5 năm 2015, quỹ lương Công ty năm 2015 tối đa 10% doanh thu.

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Ông Nguyễn Quý – Chi phí lãi vay phải trả	3.540.000	4.531.945
Ông Trần Giang Sơn – Chi phí lãi vay phải trả	5.400.000	5.415.277
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí hoa hồng bán hàng	677.075.849	939.479.662
Chi phí lãi vay phải trả – ngân hàng	345.170.912	423.709.038
Chi phí lãi vay phải trả – cán bộ, nhân viên Công ty	39.831.629	43.368.414
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	62.500.000
	<b>1.071.018.390</b>	<b>1.479.004.336</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH một thành viên – Cổ tức phải trả	-	3.299.670.400
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	151.013.166	37.069.096
Bảo hiểm xã hội	206.960.870	-
Bảo hiểm y tế	41.436.310	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.416.100	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.108.678.958	13.512.987.682
Cổ tức phải trả	808.297.747	828.002.547
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.880.865	111.685.453
	<b>13.383.684.016</b>	<b>17.789.415.178</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn****5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị VND	30/06/2015 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2015 Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>				
Vay ngắn hạn các cá nhân				
• Ông Nguyễn Quý (iii)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
• Ông Trần Giang Sơn (iii)	1.370.000.000	1.370.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
• Ngân hàng BIDV (i)	49.751.691.331	49.751.691.331	62.552.197.803	62.552.197.803
• Ngân hàng HSBC (ii)	9.871.319.276	9.871.319.276	25.831.269.577	25.831.269.577
Vay ngắn hạn các cá nhân				
• Cán bộ, nhân viên Công ty (iii)	6.511.492.997	6.511.492.997	7.723.448.774	7.723.448.774
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (iv)	559.447.301	559.447.301	-	-
	<b>69.563.950.905</b>	<b>69.563.950.905</b>	<b>98.806.916.154</b>	<b>98.806.916.154</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/94178/HĐTD ngày 12 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở thư tín dụng đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay với lãi suất vay từ 5,50%/năm đến 6,20%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố máy móc, thiết bị của Công ty.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM150754 ngày 06 tháng 5 năm 2015 với hạn mức là 2.000.000,00 USD hoặc tương đương bằng VND để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại của Công ty. Thời hạn vay không quá 6 tháng đối với từng khế ước nhận nợ với lãi suất vay từ 5,00%/năm đến 6,50%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho có giá trị 2.000.000,00 USD và thế chấp các khoản phải thu trị giá 2.000.000,00 USD.

(iii) Khoản vay bên liên quan và cán bộ, nhân viên Công ty để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay là 5,40%/năm.

(iv) Khoản thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000, giá mua là 3.207.637.666 VND với thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất cho thuê hiện hành bằng lãi suất cơ bản là 5,93%/năm và lãi suất chỉ định là 3,00%/năm, lãi suất cơ bản có thể được điều chỉnh trong thời gian thuê. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 1,00% giá mua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2015	Phát sinh trong kỳ		30/06/2015
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	88.383.467.380	81.518.249.290	(110.278.706.063)	59.623.010.607
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.423.448.774	22.086.366.807	(23.128.322.584)	9.381.492.997
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	559.447.301	-	559.447.301
	<b>98.806.916.154</b>	<b>104.164.063.398</b>	<b>(133.407.028.647)</b>	<b>69.563.950.905</b>

**5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
• Ngân hàng BIDV (i)	5.150.754.160	5.150.754.160	10.114.289.125	10.114.289.125
• Ngân hàng HSBC (ii)	6.538.163.761	6.538.163.761	7.845.796.515	7.845.796.515
Nợ thuê tài chính				
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	-	-	931.782.244	931.782.244
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh (iii)	36.648.788.340	36.648.788.340	40.106.221.200	40.106.221.200
	<b>48.337.706.261</b>	<b>48.337.706.261</b>	<b>58.998.089.084</b>	<b>58.998.089.084</b>

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số dư là 93.899,00 USD tương đương 2.050.754.160 VND và 3.100.000.000 VND có thời hạn vay theo các hợp đồng là 60 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty với lãi suất 6,00%/năm (vay bằng USD) và 10,25%/năm (vay bằng VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 30.223.215.289 VND.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với số dư là 6.538.163.761 VND có thời hạn vay là 54 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư cho các dự án của Công ty với lãi suất vay từ 9,26%/năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 17.341.207.208 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(iii) Khoản thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê số 55.14.04 ngày 06 tháng 3 năm 2014 và Phụ lục 01 ngày 28 tháng 10 năm 2014, giá mua là 40.106.221.200 VND với thời hạn thuê là 60 tháng. Theo Hợp đồng cho thuê, lãi suất thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản cộng với biên độ 2,00%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 20.000.000 VND. Số dư nợ gốc vay dài hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 36.648.788.340 VND.

Kỳ hạn thanh toán nợ thuê tài chính như sau:

	<b>Tổng nợ</b> VND	<b>Từ 1 năm trở xuống</b> VND	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> VND	<b>Trên 5 năm</b> VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Nợ thuê tài chính	36.648.788.340	8.297.838.864	28.350.949.476	-
	<b>36.648.788.340</b>	<b>8.297.838.864</b>	<b>28.350.949.476</b>	-
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Nợ thuê tài chính	41.038.003.444	8.381.976.801	32.656.026.643	-
	<b>41.038.003.444</b>	<b>8.381.976.801</b>	<b>32.656.026.643</b>	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b> VND	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> VND	<b>Trên 5 năm</b> VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Tiền gốc phải trả	8.297.838.864	28.350.949.476	-	36.648.788.340
Lãi thuê phải trả	3.030.631.984	4.488.869.605	-	7.519.501.588
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>11.328.470.848</b>	<b>32.839.819.081</b>	-	<b>44.168.289.928</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền gốc phải trả	8.381.976.801	32.656.026.643	-	41.038.003.444
Lãi thuê phải trả	3.561.132.856	5.900.118.737	-	9.461.251.593
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>11.943.109.657</b>	<b>38.556.145.380</b>	-	<b>50.499.255.037</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>01/01/2015</b> VND	<b>Phát sinh trong kỳ</b>		<b>30/06/2015</b> VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn ngân hàng	17.960.085.640	43.545.655	(6.314.713.374)	11.688.917.921
Nợ thuê tài chính	41.038.003.444	-	(4.389.215.104)	36.648.788.340
	<b>58.998.089.084</b>	<b>43.545.655</b>	<b>(10.703.928.478)</b>	<b>48.337.706.261</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	504.995.098	1.270.180.361	(1.052.875.000)	722.300.459
Quỹ phúc lợi	385.049.166	381.054.108	(97.582.705)	668.520.569
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(511.595.000)	589.075.000	(401.558.200)	(324.078.200)
	<b>378.449.264</b>	<b>2.240.309.469</b>	<b>(1.552.015.905)</b>	<b>1.066.742.828</b>

**5.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	01/01/2015	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	184.978.300	(47.773.518)	137.204.782
Chi phí sửa chữa, mở rộng phân xưởng	41.140.026	9.077.624	50.217.650
	<b>226.118.326</b>	<b>(38.695.894)</b>	<b>187.422.432</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 22% (kỳ trước thuế suất là 22%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")****5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Công VND
Tại ngày 01/01/2014	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	13.739.774.805	7.696.602.023	15.204.082.132	163.799.236.409
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.151.307.502	8.151.307.502
Trích lập quỹ	-	-	-	1.809.533.643	1.173.036.027	(2.982.569.670)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.932.794.262)	(2.932.794.262)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2013	-	-	-	-	-	(9.288.718.200)	(9.288.718.200)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>103.395.200.000</b>	<b>24.080.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>15.549.308.448</b>	<b>8.869.638.050</b>	<b>8.151.307.502</b>	<b>159.729.031.449</b>
Tăng vốn trong kỳ	2.067.900.000	(66.000.000)	-	-	-	-	2.001.900.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	4.550.496.109	4.550.496.109
Chia cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	-	(8.422.070.400)	(8.422.070.400)
Phân loại lại theo TT 200/2014/TT-BTC	-	-	-	8.869.638.050	(8.869.638.050)	-	-
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>105.463.100.000</b>	<b>24.014.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>24.418.946.498</b>	-	<b>4.279.733.211</b>	<b>157.859.357.158</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.263.343.917	8.263.343.917
Trích lập quỹ	-	-	-	2.039.423.342	-	(2.039.423.342)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.240.309.469)	(2.240.309.469)
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>	<b>105.463.100.000</b>	<b>24.014.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>26.458.369.840</b>	-	<b>8.263.344.317</b>	<b>163.882.391.606</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản				
- Công ty TNHH một thành viên Ông Trịnh Hữu Minh	41.245.880.000	39,11	41.245.880.000	39,11
- Ông Nguyễn Quý	12.267.360.000	11,63	12.267.360.000	11,63
- Ông Nguyễn Quý	10.552.090.000	10,01	10.552.090.000	10,01
- Các cổ đông khác	41.397.770.000	39,25	41.397.770.000	39,25
	<b>105.463.100.000</b>	<b>100,00</b>	<b>105.463.100.000</b>	<b>100,00</b>

**5.20.3 Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.651.318	10.651.318
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.546.310	10.546.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	18.722	18.722
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.527.588	10.527.588
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**5.20.4 Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 12 tháng 5 năm 2015, chi tiết như sau:

	VND
• Cổ tức cho các cổ đông	8.422.070.400
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.039.423.342
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	2.240.309.469
	<b>12.701.803.211</b>

Trong đó, Công ty đã chia cổ tức bằng tiền trong kỳ là 3.319.375.200 VND.

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**5.21.1 Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2015	01/01/2015
	Tờ	Tờ
Sắt dạng tờ	675.242	489.875

**5.21.2 Ngoại tệ các loại**

	30/06/2015	01/01/2015
Dollar Mỹ (USD)	9.131,23	40.778,67
Dollar Singapore (SGD)	0,34	0,34

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	140.229.541.603	133.997.000.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.079.373.598	34.873.346.432
	<b>175.308.915.201</b>	<b>168.870.347.154</b>

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hàng bán bị trả lại	27.413.900	18.664.750
	<b>27.413.900</b>	<b>18.664.750</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	131.381.814.314	114.629.586.214
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.690.355.291	31.964.400.526
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(7.369.906.500)	(2.816.236.555)
	<b>150.702.263.105</b>	<b>143.777.750.185</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi	11.035.933	15.736.098
Cổ tức được chia	46.666.200	53.332.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.136.602	1.916.747
	<b>59.838.735</b>	<b>70.985.645</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	5.384.276.120	3.841.145.820
Dự phòng tổn thất đầu tư	(119.998.800)	6.666.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá	373.857.611	296.517.104
	<b>5.638.134.931</b>	<b>4.144.329.524</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	3.117.114.053	2.970.997.000
Chi phí hoa hồng	963.131.484	500.909.263
Chi phí vận chuyển	1.194.732.451	955.065.701
Chi phí nhiên liệu	561.700.543	581.145.356
Chi phí bán hàng khác	128.190.673	337.932.584
	<b>5.964.869.204</b>	<b>5.346.049.904</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên	3.201.537.114	3.249.814.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.468.426.113	2.307.502.500
	<b>6.669.963.227</b>	<b>5.557.316.926</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tiền thuê mặt bằng thu được	4.089.101.139	-
Thu bồi thường sắt, hóa chất	-	189.765.000
Thu nhập khác	88.659.010	105.708.271
	<b>4.177.760.149</b>	<b>295.473.271</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	9.077.624	7.315.362
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(47.773.518)	(52.320.934)
	<b>(38.695.894)</b>	<b>(45.005.572)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**6.10 Lãi trên cổ phiếu**

**6.10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.263.343.917	8.151.307.502
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.240.309.469)	(2.932.794.262)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.023.034.448	5.218.513.240
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.527.588	10.320.798
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>572</b>	<b>506</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	10.527.588	10.320.798
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>10.527.588</b>	<b>10.320.798</b>

**6.10.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.631.163.884	98.842.484.135
Chi phí nhân công	16.226.631.165	16.099.852.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.194.807.063	9.474.465.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.284.458.267	1.615.090.133
Chi phí khác	16.860.076.774	13.553.096.869
	<b>154.197.137.153</b>	<b>139.584.989.015</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty đã mua dây chuyền máy in UV 2 màu trị giá 48.350.651.000 VND thông qua nghiệp vụ thuê mua tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**7.2 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	103.386.544.586	103.327.162.578
	<b>103.386.544.586</b>	<b>103.327.162.578</b>

**7.3 Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	139.721.742.021	107.208.386.859
Tiền trả nợ thuê tài chính	3.829.767.803	317.100.540
	<b>143.551.509.824</b>	<b>107.525.487.399</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư dài hạn và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND, USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.131,23	40.778,67
Phải thu khách hàng	505,40	505,40
Phải trả người bán ngắn hạn	(1.267.115,52)	(1.183.266,18)
Phải trả ngắn hạn khác	(23.541,96)	(23.541,96)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(93.904,00)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(93.899,00)	(93.899,00)
	<b>(1.374.919,85)</b>	<b>(1.353.327,07)</b>

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của công ty (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

**USD**

	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015			
VND	+1%	(13.749,20)	(300.286.350)
VND	-1%	13.749,20	300.286.350
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
VND	+1%	(13.533,27)	(289.263.339)
VND	-1%	13.533,27	289.263.339

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

#### Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>			
Các khoản vay và nợ	69.563.950.905	48.337.706.261	117.901.657.166
Phải trả người bán	32.047.586.738	-	32.047.586.738
Chi phí phải trả và phải trả khác	14.036.875.960	-	14.036.875.960
	<b>115.648.413.603</b>	<b>48.337.706.261</b>	<b>163.986.119.864</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Các khoản vay và nợ	98.806.916.154	58.998.089.084	157.805.005.238
Phải trả người bán	31.204.563.902	-	31.204.563.902
Chi phí phải trả và phải trả khác	19.231.350.418	-	19.231.350.418
	<b>149.242.830.474</b>	<b>58.998.089.084</b>	<b>208.240.919.558</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

#### Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tất cả các khoản phải thu, hàng tồn kho và máy móc, thiết bị của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.2, 5.6 và 5.8).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 12.108.678.958 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.512.987.682 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND	Giá trị ghi sổ Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND	Giá trị hợp lý Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	47.156.529.590	60.871.002.276	47.156.529.590	60.871.002.276
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.436.859.000	6.271.924.100	1.436.859.000	6.271.924.100
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.313.320.200	1.193.321.400	1.313.320.200	1.193.321.400
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	10.348.457.368	6.270.728.702	10.348.457.368	6.270.728.702
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.255.166.158</b>	<b>74.606.976.478</b>	<b>60.255.166.158</b>	<b>74.606.976.478</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	115.031.657.166	155.105.005.238	115.031.657.166	155.105.005.238
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.878.940.000	6.009.617.622	2.878.940.000	6.009.617.622
<i>Phải trả người bán</i>	32.047.586.738	31.204.563.902	32.047.586.738	31.204.563.902
<i>Chi phí phải trả và phải trả khác</i>	14.027.935.960	15.921.732.796	14.027.935.960	15.921.732.796
<b>Tổng cộng</b>	<b>163.986.119.864</b>	<b>208.240.919.558</b>	<b>163.986.119.864</b>	<b>208.240.919.558</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	323.000.000	399.800.000
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	281.205.616	278.512.538
	<b>604.205.616</b>	<b>678.312.538</b>

**9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	2014 VND
Ông Trịnh Hữu Minh	Vay ngắn hạn	-	908.000.000
	Lãi vay	-	16.419.667
Ông Nguyễn Quý	Vay ngắn hạn	3.000.000.000	5.200.000.000
	Lãi vay	48.841.390	72.052.777
Ông Trần Giang Sơn	Vay ngắn hạn	2.670.000.000	4.550.000.000
	Lãi vay	41.450.276	65.425.693

*Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt*

	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Ông Nguyễn Quý	Vay ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
	Lãi vay	3.540.000	4.531.945
Ông Trần Giang Sơn	Vay ngắn hạn	1.370.000.000	1.200.000.000
	Lãi vay	5.400.000	5.415.277

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	2014 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH một thành viên	Cổ tức phải trả	-	7.011.799.600

*Số dư với các bên liên quan khác*

	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH một thành viên	Cổ tức phải trả	-	3.299.670.400

**9.3 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, do Công ty chỉ có hoạt động sản xuất bao bì bằng kim loại nên báo cáo bộ phận được lập theo khu vực địa lý.

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu thuần – trong nước	174.355.805.598	167.691.816.550
Doanh thu thuần – xuất khẩu	925.695.703	1.159.865.854
	<b>175.281.501.301</b>	<b>168.851.682.404</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý.

**9.4 Số liệu so sánh****9.4.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**9.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước khi trình bày lại VND	Trình bày lại VND	Số liệu sau khi trình bày lại VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	196.120.761	2.587.304.550	2.783.425.311	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.587.304.550	(2.587.304.550)	-	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	-	1.352.943.000	1.352.943.000	(ii)
Tài sản dài hạn khác	268	1.352.943.000	(1.352.943.000)	-	(ii)
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	1.425.688.700	53.315.636	1.479.004.336	(iii)
Phải trả ngắn hạn khác	319	17.842.730.814	(53.315.636)	17.789.415.178	(iii)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	113.811.356.463	(15.004.440.309)	98.806.916.154	(iv)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	43.993.648.775	15.004.440.309	58.998.089.084	(iv)
Quỹ đầu tư phát triển	418	15.549.308.448	8.869.638.050	24.418.946.498	(v)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	790	(284)	506	(vi)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.806.982.426	(1.000.000.000)	806.982.426	(vii)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(14.406.291.567)	8.842.440.380	(5.563.851.187)	(vii)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.900.745.000	(8.900.745.000)	-	(vii)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.292.956.602)	1.058.304.620	(3.234.651.982)	(vii)

(i) Tăng số dư khoản phải thu ngắn hạn khác do trình bày lại các chỉ tiêu:

Tạm ứng cho nhân viên	132.814.000
Đặt cọc mua gas	36.958.000
Ký quỹ mở thư tín dụng mua sắm tài sản cố định	2.417.532.550
	<b>2.587.304.550</b>

(ii) Tăng số dư khoản phải thu dài hạn khác do trình bày lại các chỉ tiêu:

Ký quỹ thuê tài chính	
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	342.943.000
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000
	<b>1.352.943.000</b>

(iii) Trình bày lại chi phí lãi vay phải trả cán bộ, nhân viên Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

(iv) Trình bày lại khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các khoản vay dài hạn và thuê tài chính.

Chi tiết khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các khoản vay dài hạn và thuê tài chính:

Nợ dài hạn	
• Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.007.198.000
• Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	2.615.265.508
Thuê tài chính	
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	775.624.509
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	7.606.352.292
	<b>15.004.440.309</b>

(v) Trình bày lại số dư quỹ dự phòng tài chính.

(vi) Điều chỉnh phương pháp tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(vii) Điều chỉnh giảm khoản tiền thu do nhận đặt cọc của khách hàng và khoản tiền chi hoàn trả đặt cọc cho khách hàng, ký quỹ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

Tiền thu do nhận đặt cọc của khách hàng	8.900.745.000
Tiền chi hoàn trả đặt cọc cho khách hàng	(58.304.620)
Tiền chi ký quỹ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	(1.000.000.000)
	<b>7.842.440.380</b>

**9.5 Các cam kết****9.5.1 Cam kết mua nguyên vật liệu**

Công ty đã ký hợp đồng mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp với các hợp đồng như sau:

Nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu	Số	Hợp đồng		Giá trị hợp đồng
			Ngày	Nguyên tệ	Giá trị
Sumitomo Corporation	Sắt	KJHE-15-8603	05/01/2015	USD	117.600,00
Kyodo Co., Inc Importers & Exporters	Sắt	1697	20/05/2015	USD	36.827,02
Kyodo Co., Inc Importers & Exporters	Sắt	1724	18/06/2015	USD	33.761,78
Jiangyin Comat Metal Products Co., Ltd	Sắt	JYC150615-2898	15/06/2015	USD	236.000,00
MCPP Investment Pty. Ltd	Sắt	102015/MCPP-MC	16/07/2015	USD	17.745,00
MCPP Investment Pty. Ltd	Sắt	112015/MCPP-MC	16/07/2015	USD	53.410,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TF 4BC 58	01/06/2015	USD	30.800,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TF 4BC 65	11/06/2015	USD	48.780,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TF 4BC 73	15/07/2015	USD	141.090,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TF 4BC 640	20/07/2015	USD	33.400,00
Shenzhen Youpeng Packaging Products Co., Ltd.	Nắp dễ mở	YP-MC15/06	10/07/2015	USD	20.824,00
	Hóa chất	22-07/MPC-RST/15	22/07/2015	USD	9.440,00
RST Resources Pte Ltd	Sắt	LPS 1506002	30/03/2015	VND	974.327.000
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPS 1506013	13/04/2015	VND	480.511.291
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPS 1507010	19/05/2015	VND	917.296.600
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPC 1507005	19/05/2015	VND	534.835.000
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF 1507007	19/05/2015	VND	796.358.400
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF 1507009	19/05/2015	VND	380.715.200

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**9.5.2 Cam kết bán hàng hóa**

Công ty đã ký hợp đồng bán hàng hóa cho các khách hàng như sau:

Khách hàng	Loại hàng hóa	Số	Hợp đồng Ngày	Giá trị hợp đồng VND
Công ty TNHH TM – SX Sơn Apollo	Bán lon	23LS/KD-HĐMB/15	08/07/2015	986.000.000
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Hán Linh	Bán lon	36HĐ/KD-HĐMB/15	22/06/2015	1.700.000.000
Công ty TNHH MTV Thăng Lợi	Bán lon	39A-HĐ/KD-HĐMB/15	30/06/2015	154.000.000
CN Công ty cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên – Nhà máy Cà phê Sài Gòn	Bán lon	38HĐ/KD-HĐMB/15	11/07/2015	394.000.000
Công ty cổ phần Bibica	Bán hộp	02HB/KD-HĐMB/14	15/07/2015	433.000.000

**9.6 Các vấn đề khác**

Công ty cho thuê kho hàng, nhà xưởng tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên khi hết thời hạn thuê, các bên đi thuê vẫn chưa thanh toán tiền thuê và hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng đi thuê cho Công ty. Số tiền Công ty ước tính các bên đi thuê chưa thanh toán như sau:

Bên đi thuê	Hợp đồng số	Địa điểm thuê	Thời gian	Tiền thuê (chưa VAT) VND
Công ty TNHH Dược phẩm AAA	02/2011/KH	Khu văn phòng	Từ 31/03/2012 đến 19/11/2013	420.753.750
	03/2012/KH	Kho hàng, kho phụ	Từ 31/03/2012 đến 10/08/2012	263.336.666
				<b>684.090.416</b>
Công ty TNHH Dược phẩm 3A	01/2004/MPC	Nhà xưởng	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2014	634.996.008
	05/2012/KH	Kho phụ	Từ 01/04/2012 đến 10/08/2012	194.078.505
	06/2012/KH	Kho hàng và nhà để xe	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2014	2.995.780.711
				<b>3.824.855.224</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã khởi kiện hai Công ty đi thuê nêu trên tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú.

Theo Công văn số 522/UBND-PCNC ngày 30 tháng 01 năm 2015 về việc quản lý, sử dụng khu đất của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú và Quyết định số 44/QĐ-TTTP-P2 ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc chuyển trả tiền thu hồi do Chánh Thanh Tra Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, vào ngày 14 tháng 02 năm 2015, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển trả khoản tiền thuê đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 4.498.011.253 VND, trong đó số tiền thuê (đã bao gồm VAT) của Công ty TNHH Dược phẩm AAA là 752.499.457 VND và của Công ty TNHH Dược phẩm 3A là 3.745.511.796 VND.

Theo đó, vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 29/2015/QĐST-KDTM theo yêu cầu rút đơn khởi kiện của Công ty do Công ty TNHH Dược phẩm AAA đã hoàn trả đầy đủ khoản tiền thuê tiền và bàn giao nhà xưởng đã thuê cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

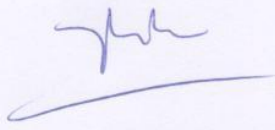
Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

### Các vấn đề khác (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty tiếp tục nộp đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Dược phẩm 3A tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú do Công ty TNHH Dược phẩm 3A vẫn chưa bàn giao nhà xưởng, kho hàng cho Công ty mặc dù đã hết thời hạn thuê và chưa thanh toán khoản tiền thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến nay.



**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
Người lập biểu



**VÕ NGỌC HUỲNH THU**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH HỮU MINH**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015